

QUAN HỆ VIỆT NAM - CHÂU ÂU

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA (2001-2010)

PGS. TS. Nguyễn Sinh Cúc

Hội Liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Bối cảnh

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam và Cộng hoà Liên bang (CHLB) Nga là hai nước có truyền thống quan hệ hợp tác hữu nghị và toàn diện từ thời Liên Xô cũ. Do những biến động chính trị - xã hội phức tạp từ phía Nga sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô cũ sụp đổ (1991), quan hệ giữa hai nước tạm thời lắng xuống. Hai nước chỉ thực sự gia tăng trở lại quan hệ hợp tác phát triển toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế kể từ sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Liên bang Nga V. Putin từ ngày 28/2/2001 đến 2/3/2001. Trên cơ sở "Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược", các hiệp định hợp tác phát triển về nhiều lĩnh vực, trước hết là quan hệ ngoại giao đã được ký kết. Trong gần 10 năm qua (2001-2010), quan hệ ngoại giao giữa 2 nước đã có bước phát triển toàn diện với các chuyến thăm cấp Nhà nước. Nhận lời mời của Tổng thống V. Putin, Chủ tịch nước Trần Đức Lương sang thăm chính thức LB Nga. Tại cuộc hội đàm cấp cao tại Moscow, hai nguyên thủ quốc gia đánh giá rất cao kết quả của chuyến đi này vì được tiến hành vài hôm sau khi

Tổng thống Putin nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai của mình. Chủ tịch Trần Đức Lương là nguyên thủ quốc gia đầu tiên sang thăm chính thức LB Nga nhân dịp Tổng thống nhậm chức.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã hội đàm với Tổng thống Putin, tiếp kiến Thủ tướng Chính phủ Fradkov, Chủ tịch Viện Duma quốc gia Nga, qua đó bàn bạc phương hướng cơ bản về phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa Nga và Việt Nam vào những năm trước mắt. Điều hết sức quan trọng là hai bên đã khẳng định lại quyết tâm phát triển quan hệ đối tác chiến lược hai nước, phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, du lịch, thể thao. Dựa vào phác họa đạt được tại cuộc hội đàm cấp nguyên thủ quốc gia tại Moscow, chính phủ, các bộ ngành liên quan của Việt Nam và Nga tiếp tục vạch ra kế hoạch cụ thể, những dự thảo, văn kiện mà Nga đã thực hiện tại Việt Nam và Việt Nam sẽ thực hiện tại Nga.

Để cụ thể hoá phương hướng đó, các cuộc thăm viếng cấp chính phủ hai nước với sự tham gia của các bộ trưởng liên tiếp diễn

ra. Sự kiện Thủ tướng Liên bang Nga Mikhail Fradkov đã có chuyến thăm, làm việc tại Việt Nam và giữa hai nước đã ký kết một số hiệp định hợp tác phát triển, trong đó có các lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư, đã tạo đà thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai nước phát triển mạnh hơn nữa.

Trong chuyến thăm Nga lần đầu tiên, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã hội đàm với Thủ tướng Liên bang Nga M.E. Fradkov. Tại cuộc hội đàm, Thủ tướng M.E. Fradkov khẳng định lại: Chính phủ LB Nga luôn coi trọng việc phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác với Việt Nam theo tinh thần đối tác chiến lược. Hai thủ tướng đã thảo luận những biện pháp nhằm triển khai có hiệu quả danh mục kiểm tra các nhiệm vụ ưu tiên nhằm thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược mà hai bên đã thống nhất sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống LB Nga V. Putin lần thứ hai (dự hội nghị cấp cao APEC tháng 11/2006), trong đó chú trọng tới những dự án trong các lĩnh vực dầu khí, năng lượng, khai khoáng, thương mại, công - nông nghiệp, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục.

Tại buổi hội kiến với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Tổng thống Nga Putin đánh giá cao kết quả hội đàm giữa thủ tướng hai nước và những văn kiện, thỏa thuận đã ký nhân chuyến thăm trong các lĩnh vực đối ngoại, kinh tế-thương mại và đầu tư, nhất là về hợp tác dầu khí, viễn thông, cơ khí, chế tạo máy và năng lượng... Tổng thống Putin khẳng định: Nga coi trọng tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, rất quan tâm tới

việc nâng cao hiệu quả và hợp tác sâu rộng với Việt Nam trong các lĩnh vực hai bên có kinh nghiệm và tiềm năng, nhằm đưa quan hệ kinh tế-thương mại, đầu tư lên ngang tầm với quan hệ chính trị rất tốt đẹp giữa hai nước.

Những năm gần đây, quan hệ ngoại giao giữa hai nước có bước phát triển mới được đánh dấu bằng các chuyến thăm cấp nguyên thủ quốc gia của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại CHLB Nga theo lời mời của Tổng thống Dmitry Medvedev. Tại cuộc hội đàm cấp cao giữa hai nước tại Moscow, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Tổng thống Dmitry Medvedev bày tỏ vui mừng trước sự phát triển toàn diện của mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga trên tất cả các lĩnh vực, góp phần củng cố hòa bình, an ninh và thúc đẩy hợp tác, phát triển trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và trên thế giới. Hai nhà lãnh đạo khẳng định, kế thừa truyền thống 60 năm quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga, chuyến thăm lần này của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh là dịp tốt để hai bên nhìn lại giai đoạn hợp tác gần 10 năm kể từ khi hai nước xác lập quan hệ đối tác chiến lược; đồng thời cùng nhau trao đổi về phương hướng lớn thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện, nhất là trong lĩnh vực kinh tế-thương mại và đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.

2. Quan hệ kinh tế Việt - Nga 2001-2010

Quan hệ thương mại

Kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước thời kỳ 2001-2010 ước tăng trung

binh 15%/năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng bình quân 12%/năm, thời kỳ 2006-2010 đạt 17%/năm.

Các số liệu thống kê từ Bộ Công thương Việt Nam cho thấy, nếu năm 2000 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (KNXNK) giữa hai nước chỉ đạt 367,1 triệu USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Nga là 122,5 triệu USD, nhập khẩu từ Nga 244,6 triệu USD, thì đến năm 2004 đã tăng đến các con số tương ứng sau: 887,3 triệu USD, tăng 142% so với năm 2000. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Nga đạt 216,1 triệu USD, tăng 77%; nhập khẩu từ Nga 671,2 triệu USD, tăng 174%. Năm 2005, các con số tương ứng là 1,02 tỷ USD, tăng 15,4%; xuất khẩu 252 triệu USD, tăng 17%; nhập khẩu 766 triệu USD, tăng 14,1% so năm 2004. Năm 2009, mặc dù chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, song kim ngạch thương mại hai chiều vẫn đạt hơn 1,82 tỷ USD, tăng 80% (800 triệu USD) so với năm 2005, trong đó xuất khẩu sang Nga đạt 414,9 triệu USD, tăng 64,7% (163 triệu USD) và nhập khẩu đạt 1.414,7 triệu USD, tăng 84,6% (648 triệu USD).

Ước tính năm 2010, tổng KNXNK hai nước sẽ đạt trên 2,32 tỷ USD, tăng 28% (500 triệu USD) so với năm 2009, trong đó xuất khẩu đạt 755 triệu USD, tăng 82,3%, nhập khẩu đạt 1,75 tỷ USD, tăng 24,1%. Thực tế 6 tháng đầu năm 2010 đã chứng minh khả năng đó là hiện thực. Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2010, tổng kim ngạch buôn bán hai

chiều giữa Việt Nam - Nga đạt 808 triệu USD, chiếm 1,1% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với tất cả các nước có quan hệ thương mại. Kim ngạch **xuất khẩu** của Việt Nam sang thị trường Nga đạt trên 300 triệu USD, tăng mạnh 65,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 0,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Thủy sản thuộc nhóm hàng có giá trị xuất khẩu sang Nga tăng mạnh. Nga là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 24 của Việt Nam, trong khi đó ở chiều ngược lại, Nga là nguồn hàng nhập khẩu lớn thứ 14 của các doanh nghiệp Việt Nam. Như vậy, tính tổng thể trong 6 tháng đầu năm 2010, Nga là đối tác thương mại lớn thứ 20 của Việt Nam. Nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nga tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2010 là do trị giá xuất khẩu của một số mặt hàng sang thị trường này tăng đột biến như hàng thủy sản, cao su, dầu thô các loại, cà phê, hạt điều, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Chỉ tính riêng 6 nhóm hàng này, kim ngạch tăng đã đóng góp 81,8 triệu USD trong tổng số 119 triệu USD tăng thêm của kim ngạch xuất khẩu sang Nga 6 tháng qua và xu hướng này còn tiếp tục trong 6 tháng cuối năm.

Kim ngạch **nhập khẩu** của Việt Nam từ thị trường Nga trong hai quý đầu năm nay đạt 508 triệu USD, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm 2009, chủ yếu do trị giá nhập khẩu một số nhóm hàng chủ lực giảm mạnh như: sắt thép các loại giảm 130 triệu USD; xăng dầu các loại giảm 66,8 triệu USD; phân bón

giảm 12,9 triệu USD; nhiên liệu bay giảm 11,8 triệu USD; sản phẩm từ sắt thép giảm hơn 6 triệu USD...

Về cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa hai nước nhìn chung 10 năm qua là khá ổn định và đều theo hướng phát huy được các lợi thế so sánh của từng nước. Nga đã xuất sang Việt Nam chủ yếu thép cán, các máy móc thiết bị công nghiệp, ô tô và phụ tùng ô tô, phân bón... Việt Nam đã xuất sang Nga chủ yếu hàng tiêu dùng may mặc, giày dép, thủ công mỹ nghệ, tạp hóa, các loại nông lâm, hải sản như rau quả, lạc đỗ, cà phê, cao su, tôm, cá... Tuy nhiên cho đến nay cán cân thương mại nhập siêu vẫn là về phía Việt Nam. Mức nhập siêu năm 2005 là 515 triệu USD, năm 2008 là 297 triệu USD và năm 2009 lên tới 1 tỷ USD, ước tính năm 2010 có khả năng đạt gần bằng năm 2009.

Mặc dù quan hệ thương mại song phương Việt - Nga đã có tiến triển khả quan như vậy song nếu so với nhu cầu và tiềm năng phát triển của cả hai nước thì vẫn còn chưa tương xứng. KNXNK giữa hai nước mới chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của mỗi nước (của Nga chiếm 0,3% và của Việt Nam là khoảng 1,5%). So sánh với quan hệ thương mại Nga - Trung, Việt Nam - EU, Việt - Trung, hay Việt - Mỹ thì tốc độ tăng trưởng thương mại hai chiều Nga - Việt còn quá thấp. Năm 2009, tổng kim ngạch buôn bán song phương Việt Nam - EU là 14,8 tỷ USD; Việt - Mỹ trên 14,0 tỷ USD; Việt - Trung Quốc là 21 tỷ USD... Nếu so sánh quan hệ

thương mại Việt - Nga với quan hệ thương mại giữa Nga và Thái Lan, KNXNK hai chiều Nga - Việt vẫn còn thấp hơn, trong khi như đã biết, Nga (Liên Xô cũ trước đây) với Việt Nam vốn đã là những bạn hàng thương mại truyền thống có nhiều tương đồng với nhau. Với kết quả này, mục tiêu đề ra theo Nghị quyết của Khóa họp thứ 13 Ủy ban Liên chính phủ Việt-Nga về hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học-kỹ thuật (tháng 10/2009) nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 3 tỷ USD năm 2010 đã không đạt được và triển vọng đạt 10 tỷ USD vào năm 2020 cũng rất khó khăn và muốn đạt được cũng cần nhiều giải pháp tích cực và đồng bộ của cả hai nước.

Nguyên nhân của tình hình trên chủ yếu là do giữa hai nước vẫn còn có những rào cản do trình độ phát triển kinh tế thị trường theo xu hướng tự do hoá thương mại còn thấp ở cả tầm vĩ mô nhà nước và cả tầm vi mô các doanh nghiệp.

Để đạt mục tiêu này, cả hai nước đều cần phấn đấu tuân thủ các thông lệ thương mại quốc tế, tiến tới xoá bỏ hết các rào cản thương mại để tự do hoá thương mại tăng cao. Những thủ tục rườm rà về hải quan, những cản trở về thanh toán XNK phải nhanh chóng xoá bỏ tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại song phương Việt-Nga không ngừng tăng lên. Đương nhiên để đạt như vậy, cả hai nước đều phải phấn đấu nâng cao khả năng cạnh tranh hàng hoá với các đối tác thương mại khác trong cùng khối APEC. Việt Nam phải cạnh tranh mạnh hơn

với Trung Quốc về hàng may mặc, thực phẩm; gạo Việt Nam sẽ phải tiếp tục cạnh tranh với gạo Thái Lan; cao su Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với cao su Indônêxia... Còn phía Nga lại phải cạnh tranh với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... về việc xuất sang Việt Nam các sản phẩm máy móc thiết bị công nghiệp... Có nghĩa là khó khăn, thách thức đối với quan hệ thương mại Việt-Nga còn rất nhiều, đòi hỏi cả hai nước đều phải có thiện chí, cùng nỗ lực phấn đấu để vượt qua, đặc biệt là về phía Việt Nam, vì trình độ phát triển kinh tế và thương mại của Việt Nam hiện nay tuy có cao hơn trước song vẫn còn thấp hơn nhiều so với trình độ phát triển kinh tế và kinh nghiệm thương mại của Nga.

Hợp tác đầu tư

Về hợp tác đầu tư giữa hai nước những năm gần đây có bước phát triển tích cực. Giai đoạn 2001-2007, số dự án và vốn FDI của Nga tại Việt Nam rất ít: số vốn đăng ký năm 2004 là 38,3 triệu USD, năm 2006 14,5 triệu USD, năm 2007 12 triệu USD và từ 1989-2007 chỉ có 100 triệu USD. Từ năm 2008, Liên bang Nga có 59 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 376,36 triệu USD và vốn thực hiện đạt trên 233 triệu USD, đứng vị trí thứ 25 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Các dự án của Nga tập trung vào các lĩnh vực trồng và chế biến cao su, vận tải biển, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, dầu khí... Năm 2009, tuy bị tác động của suy thoái kinh tế, nhưng Nga vẫn có 2 dự án đầu tư mới vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký đạt

329,8 triệu USD, đứng thứ 5 trong số 35 nước có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam trong năm 2009. Tính chung từ 1989-2009, Nga có 17 dự án FDI với vốn đăng ký đạt 2321,7 triệu USD. Các dự án FDI của Nga chủ yếu hợp tác trong các lĩnh vực như: dầu khí, thủy điện, nhiệt điện, than - khoáng sản, khai thác các mỏ bôxít, than và các nguồn thủy điện và xây dựng tại Việt Nam một tổ hợp sản xuất, chế biến nhôm...

Quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và LB Nga những năm qua còn được đánh dấu qua các dự án FDI của Việt Nam tại LB Nga. Số dự án và số vốn FDI của Việt Nam tại LB Nga tăng dần: Thời kỳ 1989- 2000 có 34,3 triệu USD; 2001- 2007 có 44 triệu USD; 2008-2009 có 867 triệu USD. Tính chung từ 1989 – 2009, Việt Nam có 18 dự án với số vốn đăng ký tại LB Nga là 945,3 triệu USD (chưa kể dự án ngân hàng), đứng thứ 3 về số vốn FDI của Việt Nam ở nước ngoài, sau CHDCN Lào và Campuchia. Đánh giá chung, đầu tư của Việt Nam sang Nga trong vài năm trở lại đây (từ 2008-2010) đã tăng nhanh, từ chỗ chỉ có 12 dự án với số vốn khoảng 100 triệu USD, nay đã tăng lên 18 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1,7 tỷ USD, (gồm các dự án lớn trong lĩnh vực dầu khí, ngân hàng, thương mại và dịch vụ).

Tuy đạt được những tiến bộ trong hợp tác đầu tư từ cả hai phía, song những kết quả đạt được còn rất khiêm tốn so với tiềm năng và thể mạnh của mỗi nước và chưa tương xứng với quan hệ đối tác chiến lược.

Nguyên nhân: Mặc dù phía Việt Nam luôn tìm kiếm cơ hội, đề xuất hợp tác, liên doanh sản xuất tại Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp mà Nga có thể mạnh như chế tạo máy, thiết bị vận chuyển, thiết bị năng lượng, luyện kim, khai thác mỏ, nhưng cho tới nay hợp tác Việt - Nga về cơ bản vẫn chỉ kế thừa các dự án, những định hướng và hình thức đã có từ thời Liên Xô cũ, chưa hình thành được dự án nào mới có tầm cỡ quốc gia. Bên cạnh đó, tham gia quan hệ đầu tư hai bên chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô năng lực nguồn vốn có hạn, còn ngại khó, dè chừng quá mức những rủi ro, chưa mạnh dạn đi sâu tìm hiểu nắm bắt thông tin, nhu cầu hợp tác, tận dụng cơ hội, huy động nguồn vốn, dũng cảm vượt qua những rào cản về tâm lý để hợp tác với nhau.

Quan hệ du lịch: Số lượng lượt khách du lịch Nga đến Việt Nam năm 2005 đạt 24,9 nghìn lượt người, năm 2006 là 28,8 nghìn, năm 2007 là 43,3 nghìn, năm 2008 là 49,0 nghìn, năm 2009 là 55,2 nghìn lượt người. Tuy lượng khách còn khiêm tốn so với tiềm năng nhưng có xu hướng tăng dần qua các năm là dấu hiệu đáng mừng.

3. Triển vọng

Với những thành tựu hai nước đã đạt được trong 10 năm đầu thực hiện quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ kinh tế giữa hai nước Việt Nam - Liên bang Nga đã được nâng lên tầm cao mới với xu thế bền vững, toàn diện cả về bề rộng và chiều sâu, năm

sau cao hơn năm trước. Quan hệ chính trị, ngoại giao không ngừng được củng cố và phát triển thông qua các cuộc thăm viếng cấp cao giữa các nhà lãnh đạo hai nước những năm qua và các năm tới, nhất là chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Dmitry Medvedev vào tháng 10/2010. Với quan hệ truyền thống vốn có của cả hai dân tộc sau 60 năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (1950-2010), chúng ta tin tưởng, quan hệ kinh tế song phương sẽ tiếp tục phát triển toàn diện và vững chắc. Dự báo, tổng KNXNK giữa hai nước những năm 2010 - 2020 đã đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20% (so với 15% 2001-2010). Và như vậy, có thể năm 2015 sẽ đạt khoảng 5 tỷ USD và năm 2020 sẽ đạt 10 tỷ USD như mục tiêu đề ra theo Nghị quyết của Khóa họp thứ 13 Ủy ban Liên chính phủ Việt-Nga về hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học-kỹ thuật (tháng 10/2009):

Về đầu tư, vốn FDI của Nga tại Việt Nam đến năm 2015 dự báo sẽ đạt mức 6-7 tỷ USD, và vốn FDI của Việt Nam tại Nga cũng sẽ đạt mức 4-5 tỷ USD. Cơ sở của các dự báo này là tiềm năng và thế mạnh của cả hai nước rất lớn và chắc chắn sẽ được phát huy theo tinh thần đối tác chiến lược với sự tham gia của Chính phủ và của các bộ, ngành, địa phương và nhất là của các doanh nghiệp thuộc mọi ngành, lĩnh vực và thành phần kinh tế. Để biến các triển vọng thành hiện thực cần có hệ thống các giải pháp tích cực và đồng bộ. **Các giải pháp chủ yếu là:**

- Phía chính phủ Việt Nam cần có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để có thể nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm của mình trên thị trường Nga, tập trung vào việc nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu, đầu tư thích hợp cho quảng bá thương hiệu. Đồng thời, tập trung phát triển hợp tác có hiệu quả trong các lĩnh vực công nghiệp mũi nhọn mà phía Liên bang Nga có thể mạnh; xây dựng cơ chế, chính sách của Nhà nước để hỗ trợ, thúc đẩy quan hệ kinh tế với Nga.

- Về phía Nga, đề nghị các doanh nghiệp Nga cần đổi mới cách thức tiếp cận để hợp tác, đầu tư tại Việt Nam. Cục Kiểm dịch động thực vật (Bộ Nông nghiệp Nga) cần tiếp tục tháo dỡ và tiến tới dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm nhập thủy, hải sản đối với các doanh nghiệp của Việt Nam và tăng thêm các cảng nhập khẩu mặt hàng trên, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà nhập khẩu Nga nhập khẩu thủy, hải sản, chè, cà phê, rau quả tươi... của Việt Nam.

- Đề chuẩn bị cho kế hoạch phát triển nguồn điện chạy than giai đoạn 2006- 2015, Việt Nam cũng đề nghị phía Nga tạo điều kiện cho EVN và Vinacomin có thể mua than theo hợp đồng dài hạn với các công ty khai thác, sản xuất than vùng Xibiri, hoặc liên doanh với doanh nghiệp Nga khai thác mỏ than tại Nga và xuất khẩu về Việt Nam. Nga tích cực tham gia vào cộng đồng các nhà tài trợ ODA cho Việt Nam, trước hết để

khôi phục, cải tạo các công trình hợp tác trước đây giữa hai nước, tiến tới thực hiện các dự án hợp tác phát triển thương mại, đầu tư du lịch.

- Nga cũng cần ưu tiên việc cung cấp nguyên liệu luyện kim cho Việt Nam như phôi thép, thép phế, than mỡ, than cốc, các sản phẩm thép đặc biệt khác và hợp tác với Tổng công ty Thép Việt Nam đầu tư xây dựng nhà máy thép đặc biệt tại Việt Nam. Hợp tác đầu tư thành lập nhà máy liên doanh sản xuất máy kéo nhỏ (4 bánh, động cơ từ 24-40 HP) tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Niên giám thống kê các năm 2001-2009.
2. Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm 2009 và 9 tháng đầu năm 2010. Tổng cục thống kê.
3. Trung tâm Thông tin thương mại, Bộ Công thương Việt Nam năm 2009 và 9 tháng năm 2010.
4. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Báo cáo năm 2009 và 9 tháng 2010.
5. Diễn đàn kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga với chủ đề "Đối tác chiến lược - Hợp tác toàn diện". Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 02/10/2010.
6. Quan hệ kinh tế Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế mới. Trung tâm thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia. (Vista) Bản tin số 19/2004.